

CHƯƠNG 14.

Đêm ở Anvers (Belgique).

Sau suốt một chiều tối uống với nhau những chai champagne để mừng Daniel vừa trúng một giao kèo với đài truyền hình RTL Hòa Lan, năm người chúng tôi bước vào cái quán tọa lạc cạnh bên hải cảng Anvers, lúc đã khuya. Quán vắng lạnh lùng với dăm ba chàng thủy thủ ngồi cúi đầu uống rượu. Lão chủ già ngủ gục sau quầy. Ánh đèn hắt hui vàng vọt. Cái máy hát nơi góc phòng cứ quay mãi không ngừng âm điệu buồn bã của bản nhạc *Merci Chérie*.

Đêm đẹp quá! Lãng mạn quá! Tiếng còi tàu dưới cảng rít lên từng chập nghe buồn áo não. Con gió ngoài khơi thổi vào nhuốm đầy hơi hướm biệt ly. Hương champagne vảng vất trong đầu làm cho đôi mắt thấy ra rằng đêm càng tuyệt đẹp. Và rồi bên tai như một nỗi giục giã của Định Mệnh, những âm thanh nghẹn ngào vẫn từ cái máy hát cất lên:

*Merci chérie, toi, l'amour de ma vie
Merci chérie pour les heures que tu m'as donné
Adieu! J'ai des larmes dans les yeux
Je dois m'en aller
Je dois te quitter
Mon coeur blessé, blessé
Je sais que tout va finir
Merci chérie!
Adieu chérie!*

*(Cảm ơn người yêu của đời anh
Cảm ơn những lúc hạnh phúc em đã mang cho anh
Vĩnh biệt em! Đôi mắt anh ứa lệ
Anh phải ra đi
Đành từ bỏ em
Trái tim tan nát
Anh biết rằng tất cả đang chấm dứt
Cảm ơn em!
Vĩnh biệt em!)*
□

Thứ Năm, 12/1/1978. Lưu diễm Chợ Lách, Bến Tre.

*/ Chợ Lách là một trong ba huyện của cù lao Minh, thuộc tỉnh Bến Tre.

*/ Con sông Tiền chảy đến vùng Cái Bè, Vĩnh Long thì mở ra ba chi lớn:

- sông Mỹ Tho với hai cửa Tiểu và Đại;
- sông Hàm Luông;
- sông Cổ Chiên với hai cửa Cổ Chiên và Cung Hầu.

*/ Ngoài ba chi ấy còn có sông Ba Lai nằm giữa sông Mỹ Tho và sông Hàm Luông.

*/ Bốn con sông tạo thành ba dải cù lao: *cù lao Bảo, cù lao Minh và cù lao An Hóa (Bình Đại)*.

- Cù lao Bảo gồm các huyện Châu Thành, Giồng Trôm, Ba Tri và thị xã Bến Tre.

- Cù lao An Hóa là huyện Bình Đại. + Phía biển của cù lao Bảo và cù lao An Hóa có Cồn Hố, thấp và xanh um cây cối.

- Cù lao Minh gồm các huyện Chợ Lách, Mỏ Cày và Thạnh Phú. + Ngoài biển cũng có cồn.

*/ Ba dải cù lao ấy hợp thành tỉnh Bến Tre; bắc cách tỉnh Tiền Giang bằng sông Mỹ Tho; nam cách tỉnh Cửu Long bằng sông Cổ Chiên; đông là biển Nam Hải. Tất cả thành một hình ba góc rất đẹp, đáy là bờ biển Đông dài 46 km, chòm là vùng Chợ Lách. Bề cao của hình tam giác là 80km.

*/ Nằm ở vùng hạ lưu sông Cửu Long, tỉnh Bến Tre đất không cao nhưng lại rất tốt; tuy nhiên ở nơi gần biển, có chỗ chỉ là cát và đất mặn.

+ Trong tỉnh có những rừng sác.

+ Các con sông rộng từ 2 đến 4km, nước chảy rào rạt; nhưng đến lúc thủy triều dâng thì lại dồn nước sông tràn vào các ruộng.

*/ Thủy triều ở đây mỗi ngày lên--xuống hai lần, cao đến 1m2. Có khi con nước trước chưa rút, con nước sau đã lên, gọi là "nước lũng".

+ Tháng 9 tháng 10 có thủy triều to, nước mặn tràn vào thị xã Bến Tre.

+ Tháng 7 có hạn "Bà Chằng".

+ Tháng 11 có lụt và gió chướng.

*/ Vùng đông của Thạnh Phú hãy còn rừng tràm, rừng bần, đừa nước khá lớn.

+ Bờ biển dốc thoải, thềm lục địa rộng, đi xa bờ đến 400k cũng không sâu tới 50m.

*/ Sau 30/4/1975, (CSVN), tỉnh Bến Tre (là tỉnh Kiến Hòa cũ) có một thị xã tỉnh lỵ (*Bến Tre*) và 7 huyện (*Mỏ Cày, Thạnh Phú, Chợ Lách, Giồng Trôm, Ba Tri, Châu Thành, Bình Đại*).

*/ Thời vua Tự Đức, nơi đây là *Phủ* Hoằng Trị gồm các huyện Bảo Hựu, Bảo An, Tân Minh, Duy Minh thuộc tỉnh Vĩnh Long.

*/ Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm được 6 tỉnh Nam Kỳ thì chia Miền Nam ra thành nhiều tỉnh để đặt nền cai trị.

*/ Năm Tân Mão (1891) (*thời thực dân cai trị*), Bến Tre trở thành *Tỉnh* Bến Tre, gồm 4 quận: Sóc Sỏi, Ba Tri, Mỏ Cày, Thạnh Phú, thêm với 20 tổng và 99 làng trên cù lao Bảo và cù lao Minh.

*/ Trong kháng chiến chống Pháp, Bến Tre có thêm cù lao *An Hóa* thuộc tỉnh Mỹ Tho và 6 xã của huyện *Chợ Lách* thuộc tỉnh Vĩnh Long sát nhập vào, vì vậy có thêm huyện An Hóa và Chợ Lách.

*/ Từ năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm (VNCH) đổi tên tỉnh Bến Tre thành *tỉnh Kiến Hòa*.

*

**

Đoàn di chuyển qua Chợ Lách, dựng rạp trên một bãi đất rộng. Nhân viên đoàn được phân phối cư ngụ trong các mái tranh của dân địa phương.

Trời đêm sáng trăng. Giữa các đoạn tạm nghỉ phần đệm Tân Nhạc của đêm trình diễn, tôi vẫn ưa thích ngồi chòm hóm trên mặt đất nơi một góc hậu trường, nghe các anh công nhân kể chuyện. Trong đoàn hát 120 người thì giới công nhân chiếm đến hơn một nửa. Đa số bọn họ không được học hành đầy đủ. Có người lại chẳng hề biết đến trường học là gì. Tuy nhiên, vốn liếng hiểu biết của họ về cuộc đời làm cho tôi vị nể. Những kinh nghiệm sống, những chuyện đi góc bể chân trời đã là những ngôi trường quý báu họ từng theo học nhiều năm qua.

Trong các câu chuyện kể, cái thế giới được nghe hoàn toàn khác xa với thế giới rục rờ đầy màu sắc mỗi đêm tôi vẫn thấy. Ở đây, tôi hình dung ra những lũy tre xanh, những xóm thôn mộc mạc mà các con người này từng phải giã từ trong buổi tiễn. Ở đây, tôi tưởng tượng ra cặp mắt đã khô đôi giòng lệ của các bà mẹ già mãi ngóng tin con. Ở đây không phải là ánh đèn màu với những hào quang lộng lẫy. Ở đây chẳng phải là tình nghĩa đổi thay mau lẹ như những chiếc áo cần đổi thay cho hợp cảnh, hợp màn.

Một anh công nhân kể với tôi:

“Má tui rất mê Cải Lương. Đi đâu bà cũng khoe với chòm xóm là có con đi theo gánh hát. Bà tưởng tui làm ông to bà lớn nào trong gánh hát, dè đâu tui chỉ là một thằng vác phông. Tui vẫn ước ao một lần gánh tui ghé về quê cũ để đón má tui đi coi Cải Lương cho đã. Tội nghiệp, tui biết bà hà tiện, mê thì mê vậy chứ đâu dám bỏ tiền mua vé đi coi. Một lần lâu lắm mới được về hát ở gần chỗ tui ở. Tui mừng rơn, theo đò về rước má tui. Tự nghĩ phen này bà sẽ được hãnh diện chừng nào với bà con chòm xóm. Nào dè khi gặp, tui mới hay là đôi mắt bà đã mù!”

Một anh khác nói:

“Tía tui thì lại khác với bà già anh. Ông có chút chữ Nho ông nội tui để lại nên cho Cải Lương là xướng ca vô loại. Ông dạy tui rất nghiêm, đánh tui dữ lắm. Ông muốn tui lớn lên làm thầy thông thầy ký cho ông nở mày nở mặt. Kẹt cái là ông có vợ nhỏ. Má tui chết hồi tui còn chút xíu. Vì vậy, không chịu nổi những lời đâm chọc của bà dì ghẻ, tui bỏ nhà trốn theo gánh hát, đi miết không về. Cấp đó tui mới chừng 12, 13 tuổi. Một bữa tía tui nghe nói làng kế bên có rước gánh tình về hát Tết. Ông chèo ghe qua kiếm tui. Nào dè ông bị Tây đi ruồng bắn chết. Hay tin, tui khóc quá trời. Bây giờ cứ ngày Tết là tui nhớ ông, van xin ông tha cho tui cái tội bất hiếu.”

Cải Lương là giới vẫn bị mang tiếng đổi vợ thay chồng nhanh như thay áo. Điều này không hẳn đúng với giới công nhân. Có những cặp vợ chồng ăn ở với nhau năm này qua năm khác trên chỉ một góc hậu trường một cách êm đềm đầm ấm. Có những con người lo lắng từng chút một cho nhau bằng cung cách thành thật hiếm thấy nơi một giới cao hơn.

Một lần, tôi nghe một anh công nhân bày tỏ:

“Tui và vợ tui lấy nhau hồi hai mươi tuổi khi cùng đi theo gánh hát; ở với nhau có một mặt con mà chẳng hôn thơ hôn thú gì ráo. Cấp tui bị bắt đi quân dịch mấy năm, tưởng bà đi theo người khác, dè đâu bà vẫn ở vậy chờ tui. Chừng gặp tui, bà mừng hết cỡ, cứ đứng ngây mà ứa nước mắt.”

Một anh khác tâm sự:

Dẫu gì thì vợ tui hồi xưa cũng là con nhà có vườn có ruộng. Chỉ vì thương tui mồ côi nên trốn nhà đi theo gánh hát với tui. Bả lại có sắc nên không thiếu gì kếp hát qơ quào chọc ghẹo. Vậy mà bả không ưng, lại còn nói gái chính chuyên chỉ lấy một chồng!”

Cách bày tỏ của những con người lao động này đơn sơ nhưng hàm chứa cả một tấm tình sâu sắc. Mỗi liên hệ gia tộc hay cái nghĩa tào khang được họ trân trọng còn đậm đà hơn trong các vở tuồng vẫn hát mỗi đêm. Sân khấu và cuộc đời đâu có gì khác biệt? Điều quan trọng là làm sao nhận chân cho ra giá trị của sự việc bên dưới lớp bề ngoài thô thiển đơn sơ.

[]